

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **641/2024/HS-ST**

Ngày 26/11/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh;

Ông Nguyễn Văn Năm.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Khắc Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 663/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 650/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị T**, sinh ngày 10/01/1975; tên gọi khác: Không; nơi sinh tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Tổ C, ấp D, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1951; gia đình có 12 chị em, bị cáo là con thứ tư và có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối năm 2012, Trần Thị T đang làm quản lý tại Phòng khám Đ, thuộc phường T, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình làm việc tại đây T có quen biết với người đàn ông tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) là người đến nhờ T khâu vết thương. Biết T không học nghề y nhưng có thể khám chữa bệnh nên H nói sẽ làm giả cho T 01 bằng tốt nghiệp Đại học Y. Sau đó T cung cấp thông tin họ và tên, năm sinh và địa chỉ để H làm giả bằng tốt nghiệp.

Vào ngày, tháng (không rõ), năm 2013 (khoảng 01 tháng sau), H đến

Phòng khám Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đưa cho T 01 bằng tốt nghiệp Đại học Y danh hiệu Bác sĩ giả số 00382730 ngày cấp 10/11/2010 của Trường Đại học Y dược Thành phố H. Sau đó, T đem bằng giả này về nhà cất giữ.

Ngày 06/01/2023, T đem bằng tốt nghiệp giả nêu trên kèm theo bộ hồ sơ do T kê khai đến Sở Y tế tỉnh Đ để nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh. Sở Y tế tỉnh Đ đã kiểm tra, rà soát khi làm thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh thì phát hiện bằng tốt nghiệp Đại học do T cung cấp không do Trường Đại học Y dược thành phố H cấp. Ngày 14/4/2023, Sở y tế tỉnh Đ đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Trần Thị T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) bằng Tốt nghiệp Đại học Y - danh hiệu Bác sĩ giả đề số 00382730 ngày cấp 10/11/2010 mang tên Trần Thị T (Lưu tại hồ sơ vụ án); Biên nhận hồ sơ số 000.00.12.H19-230106-0006 ngày 06/01/2023 của Sở y tế tỉnh Đ do Trần Thị T nộp đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh.

Tại Bản kết luận giám định số 662/GĐ-KTHS ngày 06/5/2024 của tập thể Giám định viên Phòng K Công an tỉnh Đ, kết luận:

- Hình dấu tròn Đại học Y dược Thành phố H - Bộ Y trên tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A) với hình dấu tròn Đại học Y dược Thành phố H - Bộ Y trên tài liệu mẫu so sánh (M) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên PGS.TS Võ Tấn S trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký mang tên PGS.TS Võ Tấn S trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M) không phải do cùng một người ký ra.

Bản Cáo trạng số: 640/CT-VKS-BH ngày 31/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Trần Thị T về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị T từ 08 tháng đến 01 năm tù; về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Bị cáo không trình bày lời bào chữa.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng năm 2012, Trần Thị T có hành vi nhờ đối tượng tên H (chưa rõ nhân thân, lai lịch) làm 01 bằng Đại học Y danh hiệu Bác sỹ giả đem về nhà cất giữ. Ngày 06/01/2023, T sử dụng bằng tốt nghiệp giả trên kèm theo hồ sơ đến Sở Y tế tỉnh Đ nộp xin cấp chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh. Ngày 14/4/2023, Sở Y tế tỉnh Đ phát hiện T sử dụng bằng tốt nghiệp Đại học giả nên đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý theo thẩm quyền.

Bị cáo đồng ý với Kết luận giám định số 662/KL-KTHS ngày 06/5/2024 của tập thể Giám định viên Phòng K Công an tỉnh Đ và không có ý kiến gì thêm.

Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập, nhận thấy có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Trần Thị T đã phạm vào tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào trật tự quản lý hành chính, hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về tài liệu chuyên môn; làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương; đặc biệt trong lĩnh vực y tế về khám, chữa bệnh; việc bảo vệ sự an toàn của tài liệu, giấy tờ chính là bảo đảm sự hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính của Nhà nước về các loại tài liệu, giấy tờ này; bị cáo dùng bằng Bác sỹ giả để đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh cho người dân rất nguy hiểm, nếu sự việc không phát hiện kịp thời thì bị cáo không có chuyên môn mà sử dụng bằng Bác sỹ giả đứng ra khám, chữa bệnh chẳng khác nào bị cáo đang đem sức khỏe, tính mạng của người dân ra đánh cược. Bị cáo biết nhà nước nghiêm cấm hành vi sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức nhưng vẫn thực hiện, không cần biết hậu quả của hành vi đó như thế nào. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng để bị cáo lấy đó làm bài học cho mình mà tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời cũng để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong thời gian bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo chấp hành nghiêm quy định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, chấp hành đúng chính sách, pháp luật và không vi phạm pháp luật gì; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền

giám sát, giáo dục; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên và áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt cho bị cáo mà vẫn đạt được yêu cầu của việc phòng và chống tội phạm.

Theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì bị cáo thuộc trường hợp được cho hưởng án treo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 của Bộ luật hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 (một) bằng Tốt nghiệp Đại học Y - danh hiệu Bác sỹ giả đề số 00382730 ngày cấp 10/11/2010 mang tên Trần Thị T, được lưu vào hồ sơ vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[7] Đối với đối tượng tên H (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, do đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự. Điều 45, Điều 135, Điều 136, Điều 327, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị T cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. (Đã giải thích hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; và vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

2. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đường Anh Sơn